

Bản án số: 141/2026/HS-ST

Ngày: 30-3-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Minh Thảo

Bà Nguyễn Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Tố Quyên - Thư ký TAND Khu vực 1- Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Lệ Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 76/2025/HS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2025. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2025/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn P - Sinh năm 1982; Nơi cư trú: Số nhà X, phường H, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện nay: Số nhà Y, phường Đ, tỉnh Thanh Hóa; Số căn cước công dân: 038082037520, Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH MTV xây dựng dịch vụ thương mại N; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Là đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng; con ông: Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị N1; có vợ: Trần Thị A và 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không. Hiện đang áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 18/8/2025. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Thuế cơ sở 1 tỉnh Thanh Hóa; Địa chỉ: Số 09 Phan Chu Trinh, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh T – Trưởng thuế cơ sở 1 Thanh Hóa.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng:

1. Ông Bùi Quang A1 – Phó trưởng Thuế cơ sở 1 tỉnh Thanh Hóa

2. Ông Lưu Đình C – Chuyên viên, Tổ kiểm tra số 1- Thuế cơ sở 1 tỉnh Thanh Hóa.

Ông A1, ông C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Số nhà B, phường H, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt)

2. Chị Nguyễn Thị Vân N2, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số nhà M, phường H, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt)

3. Chị Trần Thị A, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Số nhà X, phường H, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện nay: Số nhà Y, phường Đ, tỉnh Thanh Hóa; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH MTV xây dựng dịch vụ thương mại N (gọi tắt là Công ty N), Mã số thuế : 2802910656, địa chỉ: Số nhà X, khu đô thị Đông Sơn, phường A3, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2802910656 ngày 15/12/2020. Người đại diện theo pháp luật là Nguyễn Văn P - Giám đốc Công ty. Bộ máy của Công ty gồm có Nguyễn Văn P làm Giám đốc và các công nhân thi công xây dựng công trình tại công trường, Công ty không có phó Giám đốc, không có các bộ phận phòng chuyên môn, không có kế toán chuyên trách. Việc kê khai khai báo thuế Nguyễn Văn P thuê kế toán dịch vụ thực hiện kê khai. Ngành nghề chính của Công ty là xây dựng công trình đường bộ. Công ty thực hiện thi công xây dựng các công trình cầu, đường bộ theo hình thức nhận khoán lại hạng mục công trình với các Công ty khác.

Quá trình điều hành hoạt động của Công ty N, trong năm 2023, do Công ty gặp khó khăn về tài chính, Nguyễn Văn P - Giám đốc Công ty đã nảy sinh ý định trốn thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN). P đã thu thập thông tin của 17 cá nhân không phải lao động của Công ty từ các mối quan hệ xã hội bên ngoài, cụ thể là từ những người làm tư vấn vay vốn tín dụng P gặp ở quán cafe (Phương không biết họ tên, địa chỉ của họ). P xin hình ảnh bản photo căn cước của các cá nhân, sau đó làm hợp đồng lao động, bản cam kết rồi tự ký hợp thức chữ ký của phần tên người lao động trên hợp đồng, trên bản cam kết. Sau khi hoàn thiện P tổng hợp cùng với các lao động thực tế khác và các tài liệu cho Mai Thị T - Kế toán dịch vụ để thực hiện hạch toán kê khai quyết toán thuế. Hạch toán xong, T chuyển cho P duyệt rồi gửi đến cơ quan thuế. Quá trình thực hiện ký hợp thức chữ ký của 17 cá nhân không phải lao động của Công ty trên các Hợp đồng lao động, P tự thực hiện tại phòng làm việc của cá nhân, không có ai biết việc P ký hợp thức, P cũng không trao đổi với ai về việc ký hợp thức. Hợp đồng của 17 cá nhân không phải lao động thực tế của Công ty gồm:

1. Phạm Hoàng T1, MST 8798689295, số tiền lương 110.000.000đ.
2. Hoàng Minh T2, MST 8505047195, số tiền lương 110.000.000đ.
3. Bùi Trần V, MST 8637502852, số tiền lương 115.000.000đ.
4. Đới Sỹ N3, MST 8343313524, số tiền lương 95.000.000đ.
5. Bùi Tiến Đạt, MST 8222762363, số tiền lương 110.000.000đ.
6. Phạm Minh T4, MST 8786590326, số tiền lương 115.000.000đ.
7. Trịnh Minh Đ1, MST 8786590414, số tiền lương 115.000.000đ.
8. Lê Trọng Q, MST 8786590982, số tiền lương 105.000.000đ.
9. Nguyễn Như T5, MST 8786591305, số tiền lương 95.000.000đ.
10. Nguyễn Hữu N, MST 8785922531, số tiền lương 110.000.000đ.

11. Lê Văn H, MST 8786590090, số tiền lương 115.000.000đ.
12. Doãn Đình L, MST 8786591087, số tiền lương 95.000.000đ.
13. Phạm Văn H1, MST 8786592588, số tiền lương 95.000.000đ.
14. Nguyễn Văn B, MST 8786591182, số tiền lương 95.000.000đ.
15. Nguyễn Văn C, MST 8786590654, số tiền lương 95.000.000đ.
16. Nguyễn Hoàng G, MST 8042561499, số tiền lương 110.000.000đ.
17. Lê Anh X1, MST 8787057304, số tiền lương 110.000.000đ.

Việc kê khai báo cáo thuế cho Công ty N, Nguyễn Văn P thuê kế toán Mai Thị T sinh năm 1984, trú tại: phường H, tỉnh Thanh Hóa thực hiện từ năm 2023 đến hết năm 2024. Thời gian năm 2023, P trả tiền cho T với mức 1.500.000đ/tháng, sau đó năm 2024 tăng lên 2.000.000đ/tháng. Mai Thị T mở trung tâm dịch vụ đào tạo kế toán T&T tại phường H, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình thực hiện kê khai báo cáo quyết toán thuế cho Công ty N, T không làm việc tại văn phòng Công ty mà nhận tài liệu chứng từ do Nguyễn Văn P cung cấp đem về Trung tâm để thực hiện kê khai báo cáo thuế, sau khi kê khai T báo cáo P duyệt rồi gửi đến cơ quan thuế.

Quá trình thực hiện kê khai quyết toán thuế năm 2023 cho Công ty N, trên cơ sở tài liệu do Nguyễn Văn P – Giám đốc Công ty cung cấp, T đã thực hiện kê khai khai báo quyết toán thuế cho Công ty, trong đó số người lao động của Công ty năm 2023 là 127 lao động với tổng số tiền lương phải trả người lao động là 13.459.000.000đ. Sau khi kê khai khai báo, Tỉnh chuyển cho Nguyễn Văn P - Giám đốc Công ty xét duyệt. Sau khi được Nguyễn Văn P duyệt, T thực hiện ký số và gửi đến cơ quan thuế. Chữ ký số của Công ty N, Nguyễn Văn P giao cho quản lý sử dụng theo ý kiến chỉ đạo của P. Nguyễn Văn P không trao đổi cho T biết việc P lập hồ sơ không của 17 cá nhân không phải lao động thực tế của công ty.

Việc thi công tại công trình, Nguyễn Văn P là người trực tiếp quản lý các nhân công lao động và điều hành. Những lúc P đi vắng mà đến kỳ kê khai thuế thì Phương chuyển tài liệu, chứng từ của Công ty cho vợ là Trần Thị A để chuyển lại cho Mai Thị T - Kế toán đem về kê khai. Chị Trần Thị A không biết việc P kê khai không 17 cá nhân không phải lao động thực tế của Công ty N để trốn thuế.

Ngoài Mai Thị T, vào năm 2021 Nguyễn Văn P thuê Nguyễn Thị Vân N2 sinh năm 1978, trú tại phường H, tỉnh Thanh Hoá làm kế toán thuế cho Công ty với mức 1.000.000đ/tháng. N2 thực hiện kê khai khai báo quyết toán thuế cho Công ty N từ năm 2021 đến hết quý 2 năm 2023 thì nghỉ. Sau đó đầu năm 2025, P tiếp tục thuê N2 làm kế toán thuế cho Công ty N. N2 làm kế toán dịch vụ, không làm việc trực tiếp tại Công ty và không tham gia vào các giao dịch kinh tế của Công ty mà nhận hồ sơ, chứng từ do Nguyễn Văn P cung cấp, đem về làm kê khai khai báo thuế cho Công ty. Từ quý 3 năm 2023 đến hết năm 2024 việc kê khai khai báo thuế của Công ty N, N2 không thực hiện mà do Mai Thị T làm. Quá trình làm kế toán dịch vụ cho Công ty N, N2 được biết ngành nghề hoạt động chính của Công ty là xây dựng các công trình cầu đường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Công ty do P làm Giám đốc và điều hành toàn bộ hoạt động. Những

lao động của Công ty, N2 không biết vì họ làm việc ngoài công trường, N2 không tiếp xúc, không liên hệ gì với họ.

Trên cơ sở hồ sơ kê khai khai báo quyết toán thuế của Công ty N gửi đến cơ quan thuế, Cơ quan thuế đã duyệt quyết toán thuế năm 2023 đối với Công ty N. Trong đó phần chi phí phải trả 127 người lao động số tiền 13.459.000.000đ đã được hạch toán toàn bộ vào chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Ngày 28/02/2025, Đoàn kiểm tra của Chi cục Thuế khu vực thành phố Thanh Hóa - Đông Sơn (nay là Thuế Cơ sở 1 tỉnh Thanh Hóa) thực hiện kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế năm 2023 đối với Công ty thương mại N. Kết quả kiểm tra Cơ quan thuế xác định trong số lao động Công ty N đã kê khai báo cáo quyết toán thuế năm 2023, có 17 cá nhân không làm việc thực tế tại Công ty N.

Kết quả trưng cầu giám định: Ngày 02/8/2025 kết luận giám định của Thuế tỉnh Thanh Hóa, kết luận Công ty N đã có hành vi trốn thuế thu nhập doanh nghiệp do có hành vi sử dụng thông tin của 15 cá nhân không phải lao động thực tế tại Công ty để kê khai khống chi phí tiền lương và hạch toán toàn bộ giá trị vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trên tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2023 đến giảm số tiền thuế TNDN phải nộp. Số tiền thuế trốn là 319.000.000đ.

Kết luận giám định viên ngày 08/10/2025: Công ty N đã có hành vi trốn thuế thu nhập doanh nghiệp do có hành vi sử dụng thông tin của 02 cá nhân không phải lao động thực tế tại Công ty để kê khai khống chi phí tiền lương và hạch toán toàn bộ giá trị vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trên tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2023 dẫn đến giảm số tiền thuế TNDN phải nộp. Số tiền thuế trốn là 44.000.000đ.

Việc thu giữ đồ vật, tài liệu, xử lý vật chứng vụ án: Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa đã thu thập các tài liệu liên quan đưa vào hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản cáo trạng và kết luận của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa.

Cáo trạng số 63/CT-VKSKV1 ngày 12/12/2025 của Viện Kiểm sát nhân khu vực 1- Thanh Hóa truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội “Trốn thuế” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 200 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đã làm rõ các căn cứ phạm tội, trách nhiệm hình sự (TNHS) của bị cáo, trong phần luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như nội dung của bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm b khoản 2 Điều 200; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025 đề nghị xử phạt Nguyễn Văn P từ 550.000.000đ đến 600.000.000đ. Về dân sự: Bị cáo đã khắc phục số tiền thu lời bất chính 363.000.000đ. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật. Về vật chứng của vụ án: Cơ quan CSĐT đã đưa vào hồ sơ làm tài liệu của vụ án nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng xin xem xét giảm nhẹ TNHS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có khiếu nại gì, Hội đồng xét xử tiến hành theo thủ tục chung.

[2]. Các căn cứ định tội đối với bị cáo: Trên cơ sở lời khai của bị cáo tại phiên tòa và lời khai trước đây bị cáo đã khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với kết luận giám định, vật chứng thu được và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng HĐXX đủ cơ sở để kết luận:

Trong năm 2023, Nguyễn Văn P là Giám đốc Công ty TNHH MTV xây dựng dịch vụ thương mại N có trụ sở tại phường Đ, tỉnh Thanh Hóa đã lập 17 hợp đồng cho 17 cá nhân không phải là lao động thực tế của Công ty Nam Anh. Sau đó kê khai số tiền lương phải chi trả cho 17 lao động là 1.815.000.000đ trong hồ sơ kê khai quyết toán thuế năm 2023 làm giảm số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho Ngân sách nhà nước, trốn thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền 363.000.000đ.

Như vậy, hành vi của Nguyễn Văn P đã phạm vào tội “Trốn thuế” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 200 của BLHS như cáo trạng và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, đúng pháp luật.

Quá trình xác minh tại Tổng Công ty CP đầu tư xây dựng MT, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại MP và các đơn vị cung cấp vật tư, vật liệu đầu vào (Công ty TNHH xây dựng Thăng Long 36, Công ty TNHH Kobel Vn, Công ty CP quản lý kinh doanh điện Thanh Hóa, Công ty CP xây lắp điện lực Thanh Hóa, Công ty CP tập đoàn Hoa Sen chi nhánh Thanh Hoá) cho Công ty TNHH MTV xây dựng dịch vụ thương mại N, kết quả: Việc ký hợp đồng thi công xây dựng công trình, mua bán hàng hóa vật tư, vật liệu phục vụ cho thi công xây dựng công trình, nghiệm thu thanh toán giữa Công ty N với Tổng Công ty CP đầu tư xây dựng MT, Công ty CP đầu tư xây dựng và thương mại MP và các đơn vị cung cấp vật tư, vật liệu là đúng thực tế, vì vậy Nguyễn Văn P không có hành vi mua bán hoá đơn.

Đối với hành vi lập khống hồ sơ lao động của Nguyễn Văn P, P tự kí chữ kí giả của người lao động, là thủ đoạn Nguyễn Văn P sử dụng để trốn thuế nên không xem xét xử lý tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự.

Đối với Mai Thị T đã thực hiện hành vi: kê khai khai báo quyết toán thuế cho Công ty N năm 2023 có 127 lao động với tổng số tiền lương phải trả cho người lao động là 13.459.000.000đ, trong đó có 17 cá nhân không phải lao động thực tế của Công ty N. Quá trình thực hiện kê khai, T không làm việc tại văn phòng Công ty N mà nhận tài liệu, chứng từ do Nguyễn Văn P cung cấp đem về để thực hiện kê khai báo cáo thuế. Nguyễn Văn P không trao đổi cho T biết việc P lập hồ sơ khống 17 cá nhân không phải lao động thực tế của Công ty. Do đó Mai Thị T không có cùng động cơ, mục đích với Nguyễn Văn P, không đồng

phạm với Nguyễn Văn P về tội Trốn thuế nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hoá không xử lý hình sự đối với Mai Thị T là có cơ sở.

Đối với Nguyễn Thị Vân N2 là kế toán dịch vụ được Nguyễn Văn P thuê làm kế toán thuế cho Công ty N từ năm 2021 đến hết quý II năm 2023 và đầu năm 2025, Nam không biết và không tham gia vào việc Nguyễn Văn P lập hồ sơ không 17 lao động để trốn thuế nên không xem xét xử lý.

Đối với Trần Thị A là vợ của Nguyễn Văn P, A cung cấp tài liệu hồ sơ cho T làm kê khai thuế theo hướng dẫn của P. A không biết và không tham gia vào việc Phương lập hồ sơ không 17 lao động để trốn thuế nên không xem xét xử lý.

Đối với 17 lao động mà P sử dụng thông tin để lập hồ sơ không nhằm trốn thuế, quá trình xác minh, cả 17 lao động đều không quen biết và không biết được hành vi trốn thuế của Phương, không giúp sức cho P nên không có căn cứ để xử lý 17 lao động này.

[3] Tính chất vụ án: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Bị cáo đã lợi dụng chính sách quản lý của Nhà nước về lĩnh vực quản lý thuế còn nhiều bất cập, để phát sinh hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực thuế của nhà nước, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến hoạt động đúng đắn của cơ quan doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh, gây thất thu thuế trên địa bàn.

[4] Trách nhiệm hình sự (TNHS):

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ TNHS: Tại các cơ quan pháp luật bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả, các tình tiết giảm nhẹ được áp dụng cho bị cáo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mà áp dụng hình phạt chính là phạt tiền là phù hợp quy định pháp luật hiện nay và cũng đủ để răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[5]. Về biện pháp tư pháp: Số tiền 363.000.000đ bị cáo thu lợi bất chính từ việc trốn thuế nhưng bị cáo đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 200; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; 46; 47 của BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025; khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Trốn thuế”.

Xử phạt: Phạt bị cáo Nguyễn Văn P số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng).

Về biện pháp tư pháp: Truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 363.000.000đ (ba trăm sáu mươi ba triệu đồng) từ bị cáo Nguyễn Văn P đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1- Thanh Hóa theo Biên lai thu tiền số BLTT/26E/0000107 ngày 19/01/2026 và BLTU/26E/000700 ngày 27/3/2026.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Quyết định bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 1-Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Trần Thị Liên

